|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TX ĐÔNG TRIỀU**TRƯỜNG MẦM NON HOA PHƯỢNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Mạo Khê, ngày 26 tháng 08 năm 2024*  |

 **KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC**

**NĂM HỌC 2024 - 2025**

**Tên/ nhóm lớp: 4 tuổi A1**

**Số lượng trẻ trong nhóm lớp: 36 trẻ**

**Số giáo viên/ lớp: 3 giáo viên.**

**Tên giáo viên: Phạm Thị Thùy Hương**

**Nguyễn Thị Ngọc Thư**

**Lê Thị Thu**

*- Căn cứ KH số: 544/KH-MNHP ngày 26 tháng 08 năm 2024 của trường mầm non Hoa Phượng về Kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025.*

*- Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp, đặc điểm nhận thức của trẻ, tình hình thực tế của địa phương.*

*- Căn cứ điều kiện CSVC, năng lực của giáo viên*

*- Căn cứ vào kết quả giáo dục trẻ năm học 2023 - 2024 của trẻ 4 - 5 tuổi, lớp Mẫu giáo 4 tuổi A1 xây dựng kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:*

|  |  |
| --- | --- |
| **MỤC TIÊU CHĂM SÓC,** **NUÔI DƯỠNG,****GIÁO DỤC NĂM HỌC** | **NỘI DUNG CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG,** **GIÁO DỤC NĂM HỌC** |
| **A. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE** |
| **1. Tổ chức ăn** |
| **MT1:** Tổ chức bữa ăn đảm bảo vệ sinh ăn toàn thực phẩm, đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng của trẻ. Trẻ thích nghi với chế độ ăn, ăn được các loại thức ăn khác nhau.Bữa ăn của trẻ gồm: Một bữa chính và một bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định. | - Chế độ ăn: Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 – 726 Kcal.*+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:*Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:* Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% -20% năng lượng khẩu phần; Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% -35% năng lượng khẩu phần; Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.- Nước uống: Uống khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). Trẻ uống nước đun sôi để nguội ((Nước ấm vào mùa đông) đảm bảo vệ sinh.- Ăn đúng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa. |
| **2. Tổ chức ngủ** |
| **MT2**: Trẻ được ngủ đủ giấc theo nhu cầu độ tuổi.  | - Trẻ ngủ đủ giấc buổi trưa theo nhu cầu độ tuổi khoảng 150 phút.- Phòng ngủ vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo các điều kiện phù hợp với thời tiết và an toàn trong khi ngủ cho trẻ.  |
| **3. Tổ chức vệ sinh** |
| **MT3:** Trẻ được đảm bảo vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường ở lớp. | - Vệ sinh cá nhân đúng cách:+ Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động...+ Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.- Vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học:+ Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. |
| **4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn** |
| **MT4:** Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì+ Trẻ trai: Cân nặng: 14.1 -24,2 kg Chiều cao: 100,7 - 119,2cm+ Trẻ gái: Cân nặng: 13.7 - 24,9kg Chiều cao: 99,9 - 118,9cm | - Theo dõi, đánh giá sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng theo WHO.- Khám sức khỏe định kỳ (02 lần/năm). Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi (3 lần/năm). Có các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì cho trẻ.- Với trẻ suy sinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, béo phì, cân hoặc đo 1 tháng/lần.- Tất cả trẻ em đều có quyền được khám và theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng. |
| **MT5:** Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. | - Có các biện pháp giữ vệ sinh nhằm phòng tránh các dịch bệnh theo mùa: Cúm A, B bệnh thủy đậu, tay chân miệng, sốt xuất huyết, coviD 19...- Theo dõi lịch uống/tiêm chủng cho trẻ theo đúng giai đoạn. |
| **MT6:** Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh 1 số tai nạn thường gặp. | - Môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, phòng tránh 1 số tai nạn thương tích cho trẻ: Do sặc nước, hóc nghẹn, dị ứng thức ăn, chân thương, ngạt trong khi ngủ, điện giật, cháy nổ.- Thực hiện tốt các thói quen an toàn cá nhận. Chơi an toàn, chơi các trò chơi lành mạnh. |
| **B. GIÁO DỤC** |
| **I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** |
| **1. Phát triển vận động** |
| **Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** |
| **MT7:** Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.  | **- Các động tác phát triển hô hấp:**+ Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ.+ Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật.**- Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai:**+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay).+ Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).**- Các động tác phát triển cơ bụng, lưng:**+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.+ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.+ Đứng, cúi về trước.**- Các động tác phát triển cơ chân:**+ Nhún chân.+ Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.+ Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối + Bật về các phía. - Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và có trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần. |
| **Thực hiện kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động** |
| **MT8**: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động đi. | - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. - Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi.- Đi trên ghế thể dục.- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.- Đi theo đường dích dắc theo vật chuẩn- Đi đổi hướng theo vật chuẩn. |
| **MT9:** Trẻ có thể kiểm soát được vận động chạy.  | - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, theo đường dích dắc, thay đổi hướng theo vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt dích dắc).- Chạy 15m trong khoảng 10s.- Chạy chậm 60 - 80m |
| **MT10**: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động tung bắt, ném. | + Tung bóng lên cao và bắt bóng.+ Tung bắt bóng với người đối diện.+ Đập và bắt bóng tại chỗ.+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.+ Ném trúng đích bằng 1 tay.+ Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. |
| **MT11:** Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động bò, trườn, trèo. | - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m.+ Bò dích dắc qua 5 điểm.+ Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.- Trườn theo hướng thẳng.*+ Trườn theo ý thích* - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.+ Trèo lên, xuống 5 gióng thang. |
| **MT12:** Trẻ biếtthực hiện các động tác bật - nhảy. | - Bật liên tục về phía trước.+ Bật xa 35 - 40cm.+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm).+ Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.+ Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.- Nhảy lò cò 3m.- Mọi trẻ (trai, gái) được tạo cơ hội như nhau trong tập luyện, tham gia vào các hoạt động thể chất, vận động. |
| **MT13:** Trẻ biếtthể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp. | - Chạy liên tục theo hướng thẳng15m trong 10 giây.- Ném trúng đích ngang xa 2m- Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. |
| **Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón** **tay,** **phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ** |
| **MT14:** Trẻ thực hiện được các vận động- Cuộn - xoay tròn cổ tay- Gập, mở các ngón tay. | - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối... |
| **MT 15:** Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động. | - Gập giấy. - Lắp ghép hình; Xây dựng, lắp ráp với 10 -12 khối.- Xé, cắt đường thẳng- Tô, vẽ hình người, nhà cây…- Biết tết sợi đôi, tự cài cởi cúc, xâu buộc dây giày, cởi cúc, xâu hạt/vòng và *thực hiện một số kĩ năng* *gắp hạt to - nhỏ, chuyển nước từ bát sang bát bằng mút, thả tăm vào lọ….* |
| **2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** |
| **Trẻ có một số hiểu biết về món ăn, thực phẩm thông thường** **và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.** |
| **MT16:** Trẻ nhận biết được một số thực phẩm cùng nhóm | - Trẻ nhận biết thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) - Biết thịt, cá…có nhiều chất đạm- Biết được rau, quả chín nhiều vitamin.  |
| **MT17:** Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản.  | - Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; Thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, nấu cháo….- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn thức uống: *Biết cách chế biến số món ăn đơn giản như: luộc rau, luộc trứng, luộc thịt, nấu cơm, nước ép trái cây… biết món ăn đặc trưng của địa phương: Món rươi cầu Cầm…*- Áp dụng phương pháp Montessori: Cho trẻ thực hành một số bài (bóc trứng, nặn bánh trôi, nặn bánh rán, làm bánh phở cuốn…) |
| **MT18:** Trẻ có thể biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. | *- Trẻ biết các bữa ăn trong ngày (ăn sáng, ăn tối (ở nhà) ăn trưa, ăn chiều (tại trường)* và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất: Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau; Ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; Uống nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). |
|  **Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt** |
| **MT19:** Trẻ biết thực hiện được một số việc tự phục vụ khi được nhắc nhở- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.- Tự thay quần áo khi bị ướt hoặc bẩn.  | - Tập đánh răng lau mặt- Rèn luyện các thao tác rửa tay bằng xà phòng- Rèn trẻ tự thay quần áo khi bị ướt hoặc bẩn. - Áp dụng phương pháp Montessori để phát triển kỹ năng cá nhân, sự độc lập của trẻ như: Trẻ rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng; Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn; *Đi cầu thang; Cách mở và đóng nắp hộp; Cách lồng tất, đi tất; Cách gấp áo (áo phông, áo sơ mi); Cách mặc áo chui đầu; Tuốt rau ngót; Vắt cam, quýt; Pha nước chanh …* |
| **MT20:** Trẻ biết tự phục vụ trong giờ ăn uống. | - Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc cơm ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.- Biết giữ gìn vệ sinh trong ăn, uống.- Biết phối hợp với các bạn kê bàn ăn, cất ghế sau khi ăn… |
| **MT21:** Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong giội/giật nước cho sạch. | - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. |
|  **Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe** |
| **MT 2:**  Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống. | - Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn nhai kĩ.- Không đùa nghịch, không nói chuyện, không làm đổ cơm, thức ăn ra bàn.- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau…- Không uống nước lã.- Rèn thói quen tốt về giữ gìn sức khoẻ cho trẻ: Thường xuyên tập thể dục, ăn uống đủ chất, đi ngủ đúng giờ, phơi nắng sớm…. |
| **MT23:** Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...- Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định. | - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học đối với sức khỏe con người. *Áp dụng phương pháp Montessori cho trẻ thực hành tự* vệ sinh răng miệng, *chải tóc, vuốt tóc khi bù rối; Chỉnh lại quần áo khi xô lệch;* Nhặt rác làm sạch trường và vứt rác đúng nơi quy định.- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết : đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. |
| **Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh** |
| **MT24:** Trẻ nhận biết những đồ vật nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. Biết các vật sắt nhọn không nên nghịch. | - Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng… là nguy hiểm, không đến gần, biết các vật sắt nhọn không nên nghịch: dao, kéo, mảnh gương vỡ….*- Áp dụng phương pháp Montessori thực hành kỹ năng sử dụng dao, kéo… an toàn* |
| **MT25:** Trẻ nhận biết những nơi không an toàn và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. | - Nhận ra những nơi như: ao, hồ, mương nước, suối, bể chứa nược…là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.*- Không chơi gần nơi có những bụi cây rậm, có gai, có ổ điện…* |
| **MT26:** Trẻ nhận biết một số nguy cơ không an toàn trong ăn uống và phòng tránh khi được nhắc nhở. | - Nhận biết một số nguy cơ không an toàn trong ăn uống và phòng tránh:+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt…+ Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ… không uống rượu, bia, cà phê, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. |
| **MT26:** Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở. | - Không làm một số việc có thể gây nguy hiểm đối với bản thân như: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.- Trẻ thực hiện một số quy định về an toàn:+ Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.+ Không leo trèo cây, ban công, tường rào... Không tự ý xâm phạm đến cơ thể của người khác. |
| **MT27:**Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. | - Dạy trẻ KN: biết tự bảo vệ bản thân khi có hoả hoạn như: bò thấp người, lấy khăn ẩm che mũi miệng, di chuyển khỏi nơi xảy ra cháy….; Không đi theo, nhận quà của người lạ khi chưa được người thân hay cô giáo cho phép.- Biết kêu cứu nhờ giúp đỡ khi bản thân hoặc người khác bị rơi xuống nước, ngã chảy máu, khi đi lạc đường….- Trẻ nhớ tên, số điện thoại của bố mẹ và người thân; Địa chỉ gia đình mình khi cần. |
| **II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** |
| 1. **Khám phá khoa học**
 |
| **MT28:**Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. |  |
| **MT28.1:** Phối hợp các giác quan để xem xét và thảo luận về một số bộ phận cơ thể con người.  | - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.- Đặc điểm khác nhau của bạn trai và bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai, bạn gái. Đối xử công bằng, tôn trọng.- Khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm.- Ai được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được được phép?- QTE: Trẻ em dù khác nhau về ngoại hình, tính cách đều được tôn trọng, đối xử công bằng. |
| **MT28.2:** Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về đồ dùng, đồ chơi. | - Tìm hiểu đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Biết mối liên hệ đơn giản giữa cách sử dụng các đồ dùng đồ chơi quen thuộc.- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.*- Sử dụng được một số kỹ năng đơn giản trên máy tính để khám phá, phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy* |
| **MT28.3:** Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về đặc điểm của của một số phương tiện giao thông. | - Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.- Hiểu được các chức năng của các phương tiện và luật lệ, biển báo giao thông đơn giản.- Nơi hoạt động của các phương tiện giao thông.- So sánh, phân loại phương tiện giao thông theo 1 - 2 dấu hiệu. - Áp dụng phương pháp steam cho trẻ khám phá |
| **MT29**: Trẻ biết gọi tên nhóm cây, hoa quả, con vật quen thuộc.  |  |
| **MT29.1:** Gọi tên nhóm con vật theo đặc điểm chung | - Nêu được tên gọi, đặc điểm bên ngoài của con vật, ích lợi và tác hại đối với con người.- So sánh sự khác và giống nhau của 2 con vật.- Phân loại con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật.- Áp dụng phương pháp steam cho trẻ khám phá |
| **MT29.2:** Gọi tên nhóm cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. | - Nêu được tên gọi, đặc điểm bên ngoài của cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.- So sánh sự khác và giống nhau của 2 cây, hoa, quả gần gũi - Phân loại cây, hoa, quả gần gũi theo 1 - 2 dấu hiệu.- Mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống.- Cách chăm sóc và bảo vệ cây. |
| **MT30:** Trẻ nhận ra sự thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý và hướng dẫn của cô giáo. |  |
| **MT30.1:** Trẻ nhận ra một số hiện tượng thời tiết theo mùa *thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm kidsmart****.*** | - Trẻ biết một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.*- Khám phá ngôi nhà khoa học của Sammy: Căn phòng ao thiên nhiên bốn mùa* *- Chơi trong ngô nhà khoa học của Sammmy: Máy tạo thời tiết* |
| **MT30.2:** Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự khác nhau giữa ngày và đêm. | - Một số đặc điểm ban ngày, ban đêm: ban ngày trời sáng có ông mặt trời, mọi người đi làm, đi học; Buổi tối trên trời có nhiều sao, bầu trời tối, mọi người trong gia đình xum họp sau một ngày làm việc, học tập vất vả.- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.*- Khám phá ngôi nhà không gian và thời gian của Trudy trong phần mềm Kidsmart.* |
| **MT30.3:** Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về đặc điểm, tính chất, tác dụng của nước với đời sống con người, con vật và cây; Về đặc điểm của không khí, ánh sáng và sự cần thiết của chúng; Về đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. | - Các nguồn nước trong môi trường sống. Một số đặc điểm, tính chất của nước. Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.- Ích lợi và bảo vệ các nguồn tài nguyên quí như: Đất, cát, đá, sỏi. - Giữ vệ sinh trong và sau khi được tiếp xúc với đất, đá, sỏi, cát- Áp dụng phương pháp steam cho trẻ khám phá |
| **MT31:** Trẻ giải thích được mối liên hệ đơn giản của sự vật hiện tượng. | - Phát hiện ra mối liên hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó.- Trẻ giải thích được câu hỏi bằng mẫu câu: "Tại vì......nên..." nêu được nguyên nhân dẫn đến sự việc.  - Làm thí nghiệm, thử nghiệm và sử dụng dụng cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận về sự vật hiện tượng gần gũi xung quanh như: vật chìm nổi, sự bốc hơi của nước… |
| **MT32**: Trẻ có thể sử dụng một vài cách thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. | - Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như làm ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.- Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin.- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau- Áp dụng phương pháp Steam để trẻ tạo ra các sản phẩm: xe ô tô, tàu hoả….QTE: Tất cả trẻ em đều đươc tham gia hoạt động, được bố trí, sắp xếp chỗ ngồi hợp lí, đồ dùng đầy đủ cho tất cả trẻ. |
| **MT33**: Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...  | - Các trò chơi đóng vai theo chủ đề, bắt chước mô phỏng động tác của các con vật, phương tiện giao thông...- Biểu diễn các bài hát về cây, con vật,…- Vẽ, xé, nặn, cắt dán… các con vật, cây cối, phương tiện giao thông…- Áp dụng phương pháp Steam để trẻ khám phá. |
| **2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán** |
| **Nhận biết số đếm, số lượng** |
| **MT34:** Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng |  |
| **MT34.1:** Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 *và đếm theo khả năng. Có thể sử dụng kết hợp song ngữ Anh – Việt để đếm số.* | - Đếm trong phạm vi 10, đếm theo khả năng.- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. *Tô thứ tự các chữ số rỗng theo ý thích từ 1 - 5.* *- Có thể sử dụng kết hợp song ngữ Anh – Việt để đếm số.* *- Nhận biết con số trong các trò chơi trong phần mềm Kidsmart - Ngôi nhà toán học (Con bọ, Máy số, Con số của tôi)* |
| **MT34.2:** Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | - So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.*- Đếm số lượng các nhóm trên các trò chơi phầm mềm Kidmarts, bàn cảm ứng tương tác.* |
| **MT34.3**: Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. | - Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm *theo khả năng* |
| **MT34.4**: Trẻ biết tách nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn. | - Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm *theo khả năng* |
| **MT35**: Trẻ biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự. | - Biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, 113,114,115..) |
| **Xếp tương ứng - Sắp xếp theo quy tắc** |
| **MT36:** Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp, so sánh của ít nhất 3 đối tượng và sao chép | - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc 3 đối tượng- Sử dụng đồ chơi xếp theo quy luật trong ảnh trẻ đã chụp được từ lần trước; ký hiệu hóa quy tắc, yêu cầu trẻ sắp xếp bằng: đồ chơi, thẻ hình, con số, chữ cái, vật thật, âm thanh (vỗ tay/đùi…), que tính, giấy lót bánh, đất nặn…theo quy tắc ký hiệu hóa đưa ra.- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.*- Trẻ biết tạo ra quy tắc sắp xếp theo ý của trẻ.* |
| **So sánh hai đối tượng** |
| **MT37:** Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. | - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo và diễn đạt kết quả đo.+ Chọn được dụng cụ làm thước đo.+ Đặt thước đo liên tiếp.+ Nói đúng kết quả đo.- Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo và diễn đạt kết quả đo.+ Chọn dụng cụ để đo.+ Múc đầy dụng cụ đo.+ Đổ vào đối tượng cần đo. Nói đúng kết quả đo. |
| **Nhận biết hình dạng** |
| **MT38:** Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (hình tròn, hình tam giác; hình vuông, hình chữ nhật) | - So sánh sự khác nhau và giống nhau  của  các hình. |
| **MT39:** Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản | - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. |
| **Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian** |
| **MT40:** Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. | - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải - phía trái)*- Định hướng trong không gian thông qua trò chơi các trò chơi trong phần mềm Kidsmart - Ngôi nhà không gian và thời gian của Trudy (Truy tìm hạt mứt đậu)* |
| **MT41:** Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. | - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối*.*- Nói được tên các buổi trong ngày theo thứ tự (VD: Buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối)- Nói được trong ngày thời gian nào đi học, thời gian nào nghỉ ngơi... |
| **Khám phá xã hội** |
| **Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng** |
| **MT42:** Trẻ nói được họ và tên, tuổi giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.- QTE: Tất cả trẻ em dù có giới tính, đặc điểm bên ngoài khác nhau đều được tôn trọng và đối xử công bằng. |
| **MT43:** Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình. | - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - QTE: Tất cả trẻ em trong gia đình đều được yêu thương và có bổn phận yêu quý, kính trọng người thân trong gia đình; có thể làm một số cộng việc vừa sức để giúp đỡ bố mẹ.*- Đọc theo được thành tiếng một số từ Tiếng Anh thông dụng khi xem tranh minh hoạ chỉ người đơn giản, quen thuộc, phù hợp với lứa tuổi. (Father – mother)* |
| **MT44:** Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. Một số nhu cầu gia đình. | - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) - Một số nhu cầu gia đình: ăn, ngủ, vui chơi, du lịch.... |
| **MT45:** Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. | - Trẻ biết tên, địa chỉ của trường, lớp mình. - Các hoạt động của trường, của lớp. |
| **MT46:** Trẻ biết tên và công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện | - Trẻ biết tên và công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. |
| **MT47:** Trẻ có thể nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | - Nói đúng tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp (bạn A tóc ngắn, Bạn B gầy...)- Các hoạt động của trẻ ở trường. |
| **Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương** |
| **MT48:** Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện. ... *Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật của nghề truyền thống của quê hương Đông Triều. (Nghề gốm sứ Quang Vinh tại khu Vĩnh Hồng - phường Mạo Khê - thị xã Đông Triều)* | - Tên gọi, nguyên liệu, công cụ tạo ra sản phẩm, những sản phẩm... của nghề gốm. *Tên gọi, công cụ, sản phẩm, ý nghĩa của nghề truyền thống của quê hương Đông Triều. (Nghề gốm sứ Quang Vinh tại khu Vĩnh Hồng - phường Mạo Khê - thị xã Đông Triều).**- Yêu quý người lao động, trân trọng sản phẩm của người lao động.* |
| **Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh** |
| **MT49:** Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội (của phường *Mạo Khê)* | - Kể tên, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ hội do Trường *Mầm non Hoa Phượng* tổ chức: Khai giảng, Tết trung thu, ngày Nhà giáo VN 20/11....- Kể tên, đặc điểm nổi bật và các hoạt động, ý nghĩa của các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của địa phương, quê hương *Mạo Khê* *(Phường Mạo Khê - thị xã Đông Triều: Lễ hội Chùa Non Đông, Chùa Tường Vân Tự,…* ngày Vùng mỏ bất khuất 12/11*),* đất nước. |
| **MT50:** Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở quê hương *Đông Triều,* của đất nước | - Bày tỏ ý kiến theo cách hiểu của trẻ, kể tên và nêu đặc điểm nổi bật của một số danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương Đông Triều *(Chùa Ngọa Vân, Quảng Ninh Gate…của Đông Triều. Vinh Hạ Long của tỉnh Quảng Ninh…),* đất nước (Hồ Gươm, Lăng Bác…). |
| **III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** |
| 1. **Trẻ có khả năng nghe và hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.**
 |
| **MT51:** Trẻ có thể thực hiện 2,3 yêu cầu liên tiếp. | - Nghe, hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. Hiểu và thực hiện được những lời nói, chỉ dẫn của giáo viên gồm 2 - 3 hành động.- Tuân thủ các quy tắc thể hiện văn hóa trong giao tiếp.*- Nghe và thực hiện được một số câu lệnh Tiếng Anh đơn giản, quen thuộc theo lứa tuổi.* *(đóng/mở; đứng lên/ngồi xuống)* |
| **MT52:** Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ… | - Nghe hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/ thực vật/động vật…và các từ biểu cảm. (đẹp - xấu; Tươi - héo; Cũ - mới….) |
| **MT53:** Trẻ có thể lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với lứa tuổi.*- Nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-2 từ hoặc một số mẫu câu tiêng anh đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên.* |
| **2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày** |
| **MT54:** Trẻ có thể nói rõ để người nghe có thể hiểu được. | - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.- Trả lời và đặt câu hỏi “ai?”; “cái gì?”; “ở đâu?”; “khi nào?”.- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép- Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. |
| **MT55:** Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm….  | - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. |
| **MT56:** Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. | - Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. |
| **MT57:** Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự, có mở dầu, kết thúc. | - Trẻ biết kể rõ ràng về một sự việc hiện tượng nào đó theo trình tự logic nhất định, có mở dầu, kết thúc- Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh. Hoặc câu chuyện đã được nghe.- Khi người nghe chưa rõ trẻ có thể kể chậm lại, nhắc lại, giải thích lại.- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. |
| **MT58:** Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao… | - Đoc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi. |
| **MT59:** Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện qua đóng kịch. | - Sử dụng các từ biểu cảm, điệu bộ cử chỉ, hành động của các nhân vật trong truyện. |
| **MT60:** Trẻ biết sử dụng các từ như: mời cô, mời bạn, lời cảm ơn, xin lỗi … Trong giao tiếp. *Có thể sử dụng kết hợp song ngữ Anh - Việt trong giao tiếp.* | - Sử dụng một số từ trong câu xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn (Mời cơm, tạm biệt, xin chào, cảm ơn, xin lỗi…)*- Nghe và nhận biết có thể phản hồi bằng cử chỉ, hành động với*  *một số từ Tiếng Anh xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn (Tạm biệt, xin chào, cảm ơn, xin lỗi…) quen thuộc với lứa tuổi.* |
| **MT61:** Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. | - Biết điều chỉnh giọng nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp khi được nhắc nhở. Có thể tự nói lên ý kiến của mình và lắng nghe ý kiến của người khác. |
| **3. Làm quen với việc đọc, viết** |
| **MT62:** Trẻ có thể biết chọn sách để xem. | -  Xem sách và nghe đọc các loại sách khác nhau. |
| **MT63:** Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh *thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm Kidsmart.* | - Trẻ mô tả đúng hành động của các nhân vật trong tranh. (VD: Gà trống vác hái trên vai…)*- Chơi các trò chơi trong phần mềm Kidsmart - trò chơi Happykid (Tập kể chuyện).* |
| **MT64:** Trẻ có thể cầm sách đúng chiều và giở đúng trang để xem tranh ảnh “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). | - Làm quen với cách đọc tiếng việt:+ Hướng đọc: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu.- Phân biệt được phần mở đầu, kết thúc của sách.- Đọc truyện qua các tranh vẽ.- Giữ gìn, bảo vệ sách. |
| **MT65:** Trẻ có thể nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh,  cấm lửa, nơi nguy hiểm… | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (đồ dùng cá nhân, nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường dành cho người đi bộ....) |
| **MT66:** Trẻ nhận dạng một số chữ cái (15/29 chữ cái: o, ô, ơ, a, ă, â, e, ê, u, ư, I, t, c, h, k) trong bảng chữ cái tiếng việt. | - Nhận dạng một số chữ cái.- Tập tô, tập đồ các nét chữ.*- Nhận dạng một số chữ cái (15/29 chữ cái: o, ô, ơ, a, ă, â, e, ê, u, ư, I, t, c, h, k) thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm Kidsmart**- Nghe và nhận diện, nhận biết các chữ cái đã học bằng Tiếng Anh.* |
| **MT67:** Trẻ có thể sử dụng kí hiệu để “viết”: Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng sinh nhật… | * Làm quen với các kí hiệu để viết Tên như nhận diện ký hiệu trên khăn mặt, ca cốc, ống cờ… của trẻ.
* Dùng kí hiệu làm vé tàu, thiệp chúc mừng sinh nhật, giấy mời…

- Hướng viết của các nét chữ: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dư­ới. |
| **IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI** |
| **1. Thể hiện ý thức về bản thân** |
| **MT68:** Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. | - Họ tên, tuổi, giới tính của bản thân.- Tên, tuổi, giới tính của bố mẹ.- Yêu thương bản thân, tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác- Hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác. |
| **MT69:** Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được | - Nói việc mình có thể làm được và việc mình không làm được phù hợp với sở thích và khả năng thực tế của bản thân. Bày tỏ ý kiến về nhu cầu mong muốn, điểm mạnh, sở thích của bản thân |
| **2. Thể hiện sự tự tin, tự lực** |
| **MT70:** Trẻ biết tự chọn đồ chơi và chơi theo ý thích | - Tự lụa chọn các đồ chơi mà trẻ thích để chơi cùng các bạn. |
| **MT71:** Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi) *Sử dụng, phối hợp các kỹ năng tự học và bước đầu thực hiện các kỹ năng làm việc nhóm (phân công, giao nhiệm vụ, thực hành...)*  | - Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.- Hoàn thành công việc được cô giáo giao.*- Mạnh dạn, tự tin* *thực hiện các kỹ năng làm việc nhóm.* |
| **3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người,** **sự vật, hiện tượng xung quanh** |
| **MT72:** Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh. | - Các trạng tháí cảm xúc (vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận,) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hay qua tranh ảnh. |
| **MT73:** Trẻ biểu lộ trạng thái, cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. | - Thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống khi giao tiếp với ai đó hoặc ngắm nghía một vật nào đó: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. |
| **MT74:** Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ | - Biết Bác Hồ là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.- Lăng Bác ở Thủ đô Hà Nội.- Xem Video, phim tài liệu về Bác Hồ- Câu chuyện về Bác Hồ |
| **MT75:** Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. | - Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ về Bác. |
| **MT76**: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội của quê hương, đất nước. | - Quan tâm đến di tích lịch sử của quê hương *Đông Triều như: Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân…* - Quan tâm đến di tích lịch sử, *danh lam thắng cảnh tỉnh quảng Ninh như: Vịnh Hạ Long,....* cảnh đẹp, lễ hội chùa Non Đông của phường *Mạo Khê,*quê hương, đất nước. |
| 1. **Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội**
 |
| **MT77:** Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng.  | - Một số quy định ở lớp, gia đinh, nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường…không làm mất trật tự nơi công cộng) |
| **MT78:** Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép | - Tự chào hỏi, xưng hô và sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, lịch sự với người lớn.- Nói cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà.- Nói xin lỗi khi nhận ra mình đã mắc lỗi.*- Phản hồi bằng cử chỉ, hành đông bằng 1-2 từ đơn giản, quen thuôc bằng Tiếng Anh: cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi.*- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. |
| **MT79:** Trẻ tập trung chú ý khi nghe cô, bạn nói | - Chú ý và không cắt ngang khi cô và bạn nói- Chấp nhận ý kiến hợp lí của người khác không trùng với ý của mình. |
| **MT80:** Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. | - Tuân theo trật tự, biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác |
| **MT81:** Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thưc hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...) | - Quan tâm giúp đỡ bạn- Cùng bạn làm các công việc chung đơn giản và có thể chủ động trao đổi thoả thuận để cùng thực hiện.- Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ không xảy ra mâu thuẫn. |
| **MT82**: Trẻ bày tỏ thái độ với hành vi: “ Đúng”- “ sai”, “ Tốt”- “ xấu”. | - Phân biệt được hành vi ‘Đúng- sai’ ‘Tốt- Xấu’  |
| **5. Quan tâm đến môi trường** |
| **MT83:** Trẻ thích chăm sóc cây xanh gần gũi với trẻ. | - Chăm sóc cây, quan tâm theo dõi sự phát triển của cây.- Có thể biết xới đất, làm cỏ, tưới nước, bón phân cho cây xach.- Không bẻ cành, bứt hoa |
| **MT84:** Trẻ thích gần gũi, chăm sóc, yêu quý con vật quen thuộc. | - Chăm sóc các con vật quen thuộc, cho ăn, chơi đùa, vuốt ve, âu yếm các con vật thân quen.- Bảo vệ chăm sóc con vật. |
| **MT85:** Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. | * Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt.
 |
| **MT86:** Giữ gìn vệ sinh môi trường | - Thể hiện các hành vi đúng đối với môi trường xung quanh trong sinh hoạt hằng ngày:+ Giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học.+ Giữ gìn vệ sinh trong nhà, ngoài đường, nơi công cộng. |
| **V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ** |
| **1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên,** **cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật** |
| **MT87:** Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. | - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe các âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |
| **MT88:** Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể câu chuyện. | - Nghe và hưởng ứng theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể câu chuyện. |
| **MT89**: Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng,…) của các tác phẩm tạo hình *.* | - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. |
| **2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình** |
| **MT90:** Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ... | - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.- Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm và nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca..)*- Làm quen với cách hát Rap.* |
| **MT91:** Trẻ biết thực hiện vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức khác nhau  | - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. |
| **MT92:** Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. |
| **MT93:** Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục | - Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc và bố cục, đường nét. |
| **MT94**: Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục | - Sử dụng các kỹ năng cắt, xé, dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.- Biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong… và dán thành sản phẩm theo ý tưởng của mình có màu sắc bố cục.- Có ý thức giữ gìn, bảo vệ tôn trọng sản phẩm nghệ thuật. |
| **MT95:** Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. | - Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, và bố cục.- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.* Bộ lộ cảm xúc, thái độ chân thực trước cái đẹp và sản phẩm nghệ thuật
 |
| **MT96:** Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.  | - Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng và bố cục. |
| **MT97:** Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng | - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng/ đường nét. |
| **3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật** |
| **MT98:** Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc | - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.*- Bước đầu biết cách sử dụng bộ gõ cơ thể và bộ gõ của một số nhạc cụ (trống đế, trống cơm, trống Bongo, trống Châu Phi).* (*nhảy flashmob, nhảy điệu chachacha....)* |
| **MT99**: Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. | - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo theo nhịp điệu bài hát. |
| **MT100:** Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích  | - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. |
| **MT101**: Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | - Đặt tên cho sản phẩm của mình. |

**C.** **KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC THEO QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC TOÀN DIỆN, TÍCH HỢP, LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM**

Căn cứ hướng dẫn Chương trình GDMN của Bộ giáo dục và đào tạo; chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025”, Hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN năm 2023. Giáo viên lớp Mẫu giáo 4 tuổi A1 linh hoạt, mạnh dạn, lựa chọn và sáng tạo trong xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học. Trang trí lớp, chuẩn bị nguồn học liệu phong phú, dễ tìm trong thiên nhiên, thân thiện với môi trường và tổ chức các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm, áp dụng các phương pháp giáo dục từ các nước tiên tiến phù hợp với tình hình trẻ tại nhóm/lớp như: Steam, dạy trẻ làm quen với biểu tượng toán theo hình thức tiếp cận đa văn hóa, sáng tạo, và khơi mở những tiềm năng ở giai đoạn vàng.

 Sử dụng nguồn học liệu từ chương trình “Tôi yêu Việt Nam” để rèn luyện và hình thành kĩ năng An toàn giao thông cho trẻ tại trường. Và thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chuyên đề “Bảo vệ môi trường” và “Ứng phó với biến đổi khí hậu” vào trong các hoạt động giáo dục.

 Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo khối lớp, có sự tham gia của cha mẹ học sinh nhằm nâng cao công tác phối hợp với xã hội, gia đình vào trong chương trình giáo dục mầm non, đúng với quan điểm “Giờ học hạnh phúc – giờ chơi sáng tạo” nhằm thực hiện chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm”

Tích hợp nội dung giáo dục “Quyền trẻ em” vào trong các hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ. Xây dựng kế hoạch và lựa chọn các hoạt động ngày lễ hội, các hoạt động trải nghiệm để đảm bảo cơ hội tham gia của tất cả trẻ, bao gồm cả những trẻ không có năng khiếu, không nổi trội, để đảm bảo mọi trẻ đều được tham gia các buổi biểu diễn, các hoạt động vui chơi, lễ hội của trường/ lớp. Nâng cao việc cho trẻ tiếp cận Công nghệ thông tin thông qua các trò chơi trong các phần mềm Kidsmart, HappyKid, bảng tương tác thông minh.

Ngoài ra còn thực hiện lồng ghép các nội dung “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” thông qua việc phát huy giá trị lịch sử. Việc dạy lồng ghép các nội dung được thực hiện trong các hoạt động tham quan dã ngoại, trong các hoạt động vui hội ở các khối lớp, cuộc thi vẽ tranh, trong ngày hội của lớp, của trường một cách phù hợp.

Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ. Khi có dịch bệnh xảy ra chủ động điều chỉnh kế hoạch xây dựng video hướng dẫn phụ huynh chăm sóc- giáo dục trẻ tại nhà.

Xây dựng kế hoạch dự kiến về trang bị, mua sắm, bổ sung, thay thế,…đồ dùng, đồ chơi, học liệu,…theo các chủ đề trong năm học.

**DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN CHỦ ĐỀ** | **SỐ TUẦN** | **CÁC SỰ KIỆN** | **THỜI GIAN THỰC HIỆN** |
| 1 | Trường Mầm non hạnh phúc | 3 | Tết Trung thu (15/8 - ÂL) | Từ ngày 05/09/2024 - 27/09/2024 |
| 2 | Giúp bé yêu bản thân mình  | 3 |  | Từ ngày 30/09/2024 - 18/10/2024 |
| 3 | Gia đình thân yêu của bé | 4 | Ngày hội của các cô, các bà, các mẹ  | Từ ngày 21/10/2024 - 15/11/2024 |
| 4 | Nghề mơ ước của bé | 4 | Ngày hội của cô giáo (20/11) | Từ ngày 18/11/2024 - 13/12/2024 |
| 5 | Những con vật ngộ nghĩnh đáng yêu | 4 | Ngày thành lập QĐND Việt Nam (22/12) | Từ ngày 16/12/2024 - 10/01/2025 |
| 6 | Tết và mùa xuân | 2 | Lễ hội mùa xuân | Từ ngày 13/01/2025 - 24/01/2025 |
| **NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN TỪ 27/01/2025 ĐẾN HẾT NGÀY 08/02/2025** |
| 7 | Những loài thực vật thú vị quanh bé | 3 |  | Từ ngày 10/02/2025 - 28/02/2025 |
| 8 | Bé vui học giao thông | 4 | Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 | Từ ngày 03/03/2025 - 28/03/2025 |
| 9 | Thiên nhiên diệu kỳ | 4 | Ngày Giỗ tổ Hùng Vương (10/3 ÂL) | Từ ngày 31/03/2025 - 25/04/2025 |
| 10 | Quê hương - Đất nước - Bác Hồ | 4 | Kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ kính yêu (19/5) | Từ ngày 28/04/2025 - 23/05/2025 |
| **TỔNG** | **35 TUẦN** | **10 CHỦ ĐỀ** |

**Dự kiến chủ đề nhánh và thời gian thực hiện**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **CHỦ ĐỀ NHÁNH** | **THỜI GIAN THỰC HIỆN** | **THỜI GIAN** |
| **Trường mầm non hạnh phúc*****(3 tuần)*** | Trường mầm non Hoa Phượng của bé - Ngày hội đến trường | 1 | Từ 05/09/2024 đến 13/09/2024 |
| Bé vui Tết Trung thu | 2 | Từ 16/09/2024 đến 29/09/2024 |
| Đồ chơi của bé | 3 | Từ 23/09/2024 đến 27/09/2024 |
| **Giúp bé yêu bản thân mình*****(3 tuần)*** | Bé là ai? | 4 | Từ 30/09/2024 đến 04/10/2024 |
| Một số bộ phận cơ thể và năm giác quan của bé | 5 | Từ 06/10/2024 đến 11/10/2024 |
| Bé lớn lên khỏe mạnh như thế nào? An toàn cho bé  | 6 | Từ 14/10/2024 đến 18/10/2024 |
| **Gia đình thân yêu của bé*****(4 tuần)*** | Gia đình bé có những ai? | 7 | Từ 21/10/2024 đến 25/10/2024 |
| Nơi bé ở như thế nào? *(Ngôi nhà của bé)* | 8 | Từ 28/10/2024 đến 01/11/2024 |
| Đồ dùng gia đình của bé | 9 | Từ 04/11/2024 đến 08/11/2024 |
| Họ hàng bé có những ai? | 10 | Từ 11/11/2024 đến 15/11/2024 |
| **Nghề ước mơ của bé*****(4 tuần)*** | Ngày hội của các thầy, các cô 20/11 | 11 | Từ 18/11/2024 đến 22/11/2024 |
| Những người thợ lò | 12 | Từ 25/11/2024 đến 29/12/2024 |
| Nghề sản xuất ở địa phương | 13 | Từ 02/12/2024 đến 06/12/2024 |
| Những chú cảnh sát, bộ đội  | 14 | Từ 09/12/2024 đến 13/12/2024 |
| **Những con vật ngộ nghĩnh*****(4 tuần)*** | Gia đình bé nuôi những con vật nào? | 15 | Từ 16/12/2024 đến 20/12/2024 |
| Đi thăm thủy cung | 16 | Từ 23/12/2024 đến 27/12/2024 |
| Thăm quan vườn bách thú | 17 | Từ 30/12/2024 đến 03/01/2025 |
| Côn trùng xung quanh bé | 18 | Từ 06/01/2025 đến 10/01/2025 |
| **Tết và mùa xuân*****(2 tuần)*** | Những bông hoa xinh đẹp của mùa xuân | 19 | Từ 13/01/2025 đến 17/01/2025 |
| Tết Nguyên đán - Tết cổ truyền của dân tộc | 20 | Từ 20/01/2025 đến 24/01/2024 |
| **NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN TỪ 27/01/2025 ĐẾN HẾT NGÀY 08/02/2025** |
| **Những loài cây thú vị quanh bé** ***(3 tuần)*** | Cây xanh | 21 | Từ 10/02/2025 đến 14/02/2025 |
| Các loại rau, củ bé ăn hàng ngày | 22 | Từ 17/02/2025 đến 21/02/2025 |
| Một số loại quả | 23 | Từ 24/02/2025 đến 28/02/2025 |
| **Bé vui học giao thông*****(4 tuần)*** | Các loại xe ô tô  | 24 | Từ 03/03/2025 đến 07/03/2025 |
| Phương tiện giao thông đường thủy  | 25 | Từ 10/03/2025 đến 14/03/2025 |
| Máy bay và tàu hỏa | 26 | Từ 17/03/2025 đến 21/03/2025 |
| Quy định khi tham gia giao thông | 27 | Từ 24/03/2025 đến 28/03/2025 |
| **Thiên nhiên diệu kì*****(4 tuần)*** | Các mùa trong năm | 28 | Từ 31/03/2025 đến 04/04/2025 |
| Nước | 29 | Từ 07/04/2025 đến 11/04/2025 |
| Hiện tượng tự nhiên | 30 | Từ 14/04/2025 đến 18/04/2025 |
| Đất, đá, cát, sỏi | 31 | Từ 21/04/2025 đến 25/04/2025 |
| **Quê hương Đất nước Bác Hồ*****(4 tuần)*** | Di tích lịch sử quê hương Đông Triều  | 32 | Từ 28/04/2025 đến 02/05/2025 |
| Quảng Ninh thân yêu của em  | 33 | Từ 05/05/2025 đến 09/05/2025 |
| Đất nước Việt Nam yêu dấu | 34 | Từ 12/05/2025 đến 16/05/2025 |
| Bác Hồ kính yêu | 35 | Từ 19/05/2025 đến 23/05/2025 |
| **TỔNG** |  | **35** |  |

**D. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch (Có phụ lục kèm theo)**

Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024-2025 của lớp mẫu giáo 4 tuổi A1.**/.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA BGH****P. HIỆU TRƯỞNG****Nguyễn Thị Mai Phương** | **XÁC NHẬN CỦA TỔ CM****TỔ TRƯỞNG****Nguyễn Thị Trang** | **GV THỰC HIỆN** **KẾ HOẠCH****Phạm Thị Thuỳ Hương****Nguyễn Thị Ngọc Thư****Lê Thị Thu** |